

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 260/2005/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội
Vùng phía Tây đường Hồ Chí Minh đến năm 2020
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Công văn số 7874/BKH-CLPT ngày 07 tháng 12 năm 2004, số 5835/BKH-CLPT ngày 29 tháng 8 năm 2005;
ý kiến các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Tây đường Hồ Chí Minh đến năm 2020 đối với toàn bộ lãnh thổ phía Tây đường Hồ Chí Minh, đoạn từ Hoà Lạc đến ngã tư Bình Phước thuộc địa phận 15 tỉnh: Hà Tây, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và Bình Dương, nhằm phát huy những tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên của Vùng, nhất là khi có đường Hồ Chí Minh để xây dựng Vùng phía Tây phát triển về kinh tế, ổn định về xã hội, củng cố về quốc phòng và an ninh biên giới, lành mạnh về môi trường, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vùng biên giới.

Điều 2. Mục tiêu phát triển chủ yếu

1. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm khoảng 9 - 10% thời kỳ 2006 - 2010; 10 - 10,5% thời kỳ 2011 - 2020. GDP bình quân đầu người năm 2010 bằng 1,7 lần so năm 2005; năm 2020 bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010. Đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của Vùng với tỷ trọng GDP của các ngành như sau: nông, lâm nghiệp

là 45%, công nghiệp, xây dựng 20%, dịch vụ 35%; đến năm 2020 tỷ trọng tương ứng của các ngành trên là 30% - 30% - 40%.

2. Đến năm 2010, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống bằng mức bình quân cả nước; 50% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 85 - 90% trẻ dưới 5 tuổi được đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1, 100% các trường lớp được kiên cố hoá; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 22 - 25%; 70% số xã có trạm y tế, 80 - 85% số hộ được dùng nước sạch, 60% làng, bản có đội văn hoá quần chúng, 85% làng, bản có nhà văn hoá, phòng đọc sách, 50% số xã có thư viện.

Đến năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới mức bình quân cả nước, 70 -80% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 100% trẻ dưới 5 tuổi được đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1, 100% các trường lớp được kiên cố hoá; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 15 - 20%; 80 - 85% số xã có bác sỹ và có trạm y tế, 90 - 95% số hộ được dùng nước sạch, 70 - 75% làng, bản có đội văn hoá quần chúng, 90% làng, bản đạt chuẩn làng văn hoá, phòng đọc sách, 60% số xã có thư viện.

3. Phát triển và khôi phục lại phần diện tích rừng bị tàn phá và do khai thác không đúng mục đích quy hoạch nhằm trả lại cảnh quan và môi trường của Vùng.

4. Có cơ chế phù hợp, tạo điều kiện để các gia làng, trưởng bản có nhận thức về chính trị và xã hội cao; tích cực vận động con cháu và đồng bào dân tộc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và phát huy kinh nghiệm sản xuất để nâng cao đời sống của gia đình và cộng đồng dân tộc mình.

5. Chính trị, an ninh ổn định, văn hoá - xã hội phát triển. Giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ quốc phòng và an ninh.

Điều 3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực then chốt.

1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hình thành các ngành - sản phẩm chủ lực, thu hút nhiều lao động hoạt động trong khu vực kinh tế dịch vụ, công nghiệp và nông, lâm nghiệp hàng hoá.

a) Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh, tạo ra sản phẩm hàng hoá.

Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hoá chuyên canh, cần đẩy mạnh thâm canh và ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp về giống, công nghệ bảo quản, chế biến phù hợp và công tác khuyến nông, tạo điều kiện cho cư dân trong vùng phát triển có hiệu quả những cây trồng, vật nuôi có ưu thế của từng vùng. Đối với vùng khó khăn, các xã biên giới cần có chính sách hỗ trợ nông dân về giống, đầu tư thuỷ lợi nhỏ, hướng dẫn cách làm ăn, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội để thoát nghèo, từng bước vươn lên làm giàu, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn. Tiếp tục khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển làng nghề, đa dạng hoá ngành nghề.

Lựa chọn một số cây trồng như ngô, sắn phục vụ công nghiệp chế biến, thay thế trên các vùng đất lúa không đảm bảo nước tưới. Phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày phù hợp với điều kiện sinh thái ở từng khu vực trong Vùng. Phát triển cây ăn quả ở những nơi có nhiều điều kiện thuận lợi, với những giống cây ăn quả ôn đới, á nhiệt đới. Phát triển đậu tương, đậu đỗ các loại theo hướng chuyên canh, tập trung sản xuất nông sản hàng hoá.

Phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa, chủ yếu dựa vào hộ gia đình và trang trại là chính. Các doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế tư nhân làm dịch vụ về giống, thú y, khuyến nông ... và bảo quản, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

Tận dụng mặt nước hiện có, nhất là diện tích mặt hồ thuỷ điện và thuỷ lợi để phát triển thuỷ sản. Cùng với việc nuôi các loài cá bản địa, cần đưa nhanh các giống mới vào nuôi để tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Bổ sung cá giống vào các hồ chứa để khôi phục và phát triển nguồn lợi gắn với du lịch sinh thái và bảo tồn quỹ gen.

Phát triển lâm nghiệp là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài để nâng độ che phủ nhằm bảo vệ môi trường, nguồn nước cho vùng đồng bằng ven biển phía Đông, hình

thành vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp giấy, gỗ ván nhân tạo, vùng trồng rừng cây gỗ lớn, cây đặc sản.

Thực hiện tốt việc bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng hiện có, bao gồm: rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên và khu rừng di tích lịch sử đã xếp hạng.

b) Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản, đất, rừng, nước và các dạng tài nguyên khác.

Từng bước xây dựng một số cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô lớn làm trung tâm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế ở từng khu vực như luyện kim ở Thạch Khê; bô xít, phát triển thủy điện ở Đắk Nông; vàng, quặng phóng xạ, nguyên liệu sản xuất xi măng ở Tây Quảng Nam; vàng, kaolin, nguyên liệu sản xuất xi măng ở Tây Quảng Trị, Tây Thừa Thiên Huế...

Tập trung ưu tiên hoàn thành việc đầu tư mới và nâng cấp các cơ sở chế biến nông, lâm sản theo quy hoạch. Việc đầu tư cơ sở chế biến phải căn cứ vào thị trường tiêu thụ, khả năng phát triển vùng nguyên liệu. Đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại để tạo ra sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục nghiên cứu đầu tư những công trình thủy điện gắn với thủy lợi; ưu tiên đầu tư thủy điện nhỏ ở khu vực có điều kiện.

Tập trung đầu tư chiều sâu các nhà máy xi măng hiện có trên Vùng.

Tổ chức lại sản xuất ngành cơ khí, đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị ở những cơ sở cơ khí hiện có. Trước hết, tăng năng lực ngành cơ khí sửa chữa, sản xuất sản phẩm cơ khí nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Khôi phục, phát triển tiểu thủ công nghiệp truyền thống, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng thủ công của đồng bào các dân tộc. Khôi phục và phát triển các nghề truyền thống.

Phát triển các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ, các tổ hợp đa nghề tại các trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ. Xây dựng các cụm công nghiệp quy mô khoảng 50 - 60 ha theo quy hoạch.

c) Phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ.

Phát huy lợi thế kinh tế cửa khẩu, các di tích lịch sử và danh lam, thắng cảnh để phát triển ngành thương mại, du lịch, dịch vụ tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội toàn Vùng.

Đầu tư khai thác tốt các Khu kinh tế cửa khẩu (Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh; Cha Lo, tỉnh Quảng Bình; Bờ Y, tỉnh Kon Tum; Đức Cơ (CK19), tỉnh Gia Lai; Bonuê, tỉnh Bình Phước) và Khu thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị; hình thành thêm các khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch để làm hạt nhân phát triển dịch vụ, du lịch và đẩy mạnh hợp tác, mậu dịch đường biên tại các cửa khẩu như Tén Tần, Na Mèo, tỉnh Thanh Hoá; Nậm Cắn, Thanh Thủy, tỉnh Nghệ An; Hồng Vân, A Đớt, tỉnh Thừa Thiên Huế; Đăk Chưng, tỉnh Quảng Nam; Bu Prăng, Đăk Per, tỉnh Đăk Nông...

Phát triển mạng lưới thương mại ở trung tâm cụm xã, xã và khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hoá hai chiều. Xây dựng mạng lưới chợ. Đầu tư xây dựng, nâng cấp một số trung tâm thương mại và chợ nội địa.

Phát huy tiềm năng về thắng cảnh thiên nhiên, di tích văn hoá truyền thống, bản sắc dân tộc để phát triển du lịch. Hình thành khu du lịch sinh thái, các vườn quốc gia hiện có trong vùng và một số điểm du lịch khác. Phát triển các điểm du lịch tại khu vực gần với tuyến, điểm du lịch quốc gia, đặc biệt là gần với tuyến du lịch đường Hồ Chí Minh.

Phát triển và mở rộng cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông qua việc mở rộng vùng phủ sóng thông tin di động, phát triển các điểm truy cập internet, điểm phục vụ bưu chính - viễn thông tại các đô thị, các điểm dừng, điểm nghỉ trên tuyến đường Hồ Chí Minh. Ưu tiên phát triển đồng bộ hệ thống bưu chính - viễn thông tại các Khu kinh tế cửa khẩu, các tuyến thông tin liên lạc kết nối các điểm dân cư với đồn biên phòng dọc tuyến biên giới.

Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ thông tin, tư vấn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công...

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là mạng lưới giao thông liên vùng, giao thông dọc biên giới, hình thành hệ thống đô thị trung tâm của từng tiểu vùng gần với